

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA KAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

--- *** ---

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
-----***-----**

Bản án số: 07/2018/HNGĐ -ST

Ngày 26/4/2018

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA KAR, TỈNH ĐẮK LẮK**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hải Bình.

2. Ông Lê Khắc Dũng.

Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Quốc Nam – Thư ký Tòa án nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Hồ Xuân Thắng – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2018, tại Hội trường xét xử trụ sở Tòa án nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 30/2018/TLST-HNGĐ ngày 31/01/2018, về việc: “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2018/QĐXX-ST ngày 03/4/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Mai Thị Ái T, Sinh năm 1987; nơi cư trú: 119 Nguyễn Tất T, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

Bị đơn: Anh Lô Thanh H; Sinh năm 1985; nơi cư trú: 119 Nguyễn Tất T, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Mai Thị Ái T trình bày có nội dung như sau:

Chị Mai Thị Ái T và anh Lô Thanh H là vợ chồng lấy nhau trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã C, huyện K vào ngày 06 tháng 9 năm 2011, quá trình sống chung có 02 con chung là Lô Khiết N, sinh ngày 03/10/2011 và Lô Khiết A, sinh ngày 21/6/2013 hiện đang sống cùng chị T. Sau khi cưới nhau về thì vợ chồng sống tại nhà anh bố mẹ anh H tại thôn 4, xã C, huyện K khoảng 4-5 tháng. Sau đó đầu năm 2010 vợ chồng ra sống tại nhà riêng cũng ở tại thôn 4, xã C, huyện K, đến năm 2014 vợ chồng ra sống tại 119 Nguyễn Tất T, thị trấn K cho đến nay.

Trong cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn và trở nên trầm trọng từ đầu năm 2017 cho đến nay, nguyên nhân là do không hợp nhau trong cuộc sống, thiếu sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, vợ chồng xảy ra xô sát, anh H thường xuyên rượu chè, chơi bời suốt ngày đêm không lo làm ăn. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng không còn khả năng hàn gắn nên chị T tha thiết đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn anh H.

Về con chung: Chị T có nguyện vọng xin 02 con chung là Lô Khiết N, sinh ngày 03/10/2011 và Lô Khiết A, sinh ngày 21/6/2013 đến tuổi thành niên và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung với lý do chị xác định mình có tình cảm đặc biệt với hai con, các con còn nhỏ nên cần tạo điều kiện để 02 con chung ở với nhau sẽ tránh được sự sốc về tâm lý khi bố mẹ ly hôn. Mặt khác, anh H không có công việc ổn định, thiếu trách nhiệm với con cái, thường xuyên chơi bời nên không có khả năng nuôi con. Hiện chị T làm nghề thẩm mỹ công việc ổn định với mức thu nhập hàng tháng 60.000.000 đồng đủ điều kiện nuôi 02 con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn anh Lô Thanh H trình bày có nội dung như sau:

Anh H và chị T là vợ chồng lấy nhau tự nguyện đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã C, huyện K vào ngày 06 tháng 9 năm 2011, quá trình sống chung có 02 con chung là Lô Khiết N, sinh ngày 03/10/2011 và Lô Khiết A, sinh ngày 21/6/2013 hiện đang sống cùng chị T. Sau khi cưới nhau về thì vợ chồng sống tại nhà bố mẹ anh H tại thôn 4, xã C, huyện K 4-5 tháng. Sau đó đầu năm 2010 vợ chồng ra sống tại nhà riêng cũng ở tại thôn 4, xã C, huyện K, đến năm 2014 vợ chồng ra sống tại 119 Nguyễn Tất T, thị trấn K cho đến nay.

Trong cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể giải quyết được, nguyên nhân là do không hợp nhau về tính tình, cách sống, thỉnh thoảng vợ chồng xảy ra cãi vã, do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên chị T đã làm đơn ra Tòa án xin ly hôn, sau đó rút đơn về đoàn tụ nhưng việc hàn gắn tình cảm vợ chồng không có kết quả. Nay anh H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh H có nguyện vọng xin 02 con chung là Lô Khiết N, sinh ngày 03/10/2011 và Lô Khiết A, sinh ngày 21/6/2013 đến tuổi thành niên và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Nếu không được thì anh H có nguyện vọng xin nuôi con chung là Lô Khiết N, sinh ngày 03/10/2011 và giao con chung là Lô Khiết A, sinh 21/6/2013 cho chị T nuôi dưỡng đến tuổi thành niên, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào, anh H xác định hiện anh H buôn bán hàng qua mạng Internet thu nhập hàng tháng khoảng 10.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện EaKar tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, cũng như tại phiên tòa Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ Điều 51, 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh H đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn nên chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của Mai Thị Ái T.

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Mai Thị Ái T và anh Lô Thanh H.

Về con chung: Xét thu nhập của chị T là thực tế đủ khả năng nuôi con, các con chung của chị T, anh H còn nhỏ nên tách các con chung ảnh hưởng đến tâm lý tình cảm của con chung, anh H xác định thu nhập hàng tháng 10 triệu đồng nhưng không có chứng cứ, tài liệu chứng minh.

Nên giao 02 con chung là Lô Khiết N sinh ngày 03/10/2011 và Lô Khiết A, sinh ngày 21/6/2013 cho chị Mai Thị Ái T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Mai Thị Ái T không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

Anh Lô Thanh H được quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Mai Thị Ái T và anh Lô Thanh H tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Mai Thị Ái T và anh Lô Thanh H lấy nhau trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện K ngày 06/9/2011 là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Trong quá trình duy trì quan hệ hôn nhân, vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu sau đó phát sinh mâu thuẫn và trở nên trầm trọng từ đầu năm 2017 đến nay, nguyên nhân là do vợ chồng thiếu sự quan tâm, chăm sóc và bất đồng trong quan điểm, lối sống và ngày càng trở nên trầm trọng; gay gắt, cuộc sống không hạnh phúc nên tháng 02 năm 2017 chị T làm đơn xin ly hôn ra Tòa án sau đó rút đơn về vợ chồng đoàn tụ nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không hàn gắn được mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lô Thanh H, anh H xác định mâu thuẫn trong quan hệ vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn, chị T làm đơn xin ly hôn anh H cũng đồng ý ly hôn.

Xét mâu thuẫn trong quan hệ vợ chồng giữa chị T và anh H đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn, nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân thì không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T và anh H đều tự nguyện đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn, căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình công nhận thuận tình ly hôn giữa chị T và anh H.

[2] Về con chung: Xét nguyện vọng của của các đương sự, cũng như quyền lợi của các con chung, Hội đồng xét xử xét thấy quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị T có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng 02 con chung đến tuổi thành niên vì thu nhập của chị T hàng tháng 60.000.000 đồng, 02 con chung còn nhỏ có tình cảm quấn quýt với nhau. Mặt khác, anh H thường xuyên chơi bời không đảm bảo để nuôi con, anh H không nghề nghiệp nên không có thu nhập ổn định nên việc giao con cho anh H nuôi không đảm bảo quyền lợi của con chung. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh thu nhập của mình. Do đó, chấp nhận nguyện vọng của chị T giao 02 con chung là Lô Khiết N, sinh ngày 03/10/2011 và Lô Khiết A, sinh ngày 21/6/2013 cho chị Mai Thị Ái T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Mai Thị Ái T không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

Anh Lô Thanh H được quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh H tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Mai Thị Ái T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 220 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về việc mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Mai Thị Ái T xin ly hôn anh Lô Thanh H.

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Mai Thị Ái T và anh Lô Thanh H.

Về con chung: Giao 02 con chung là Lô Khiết N, sinh ngày 03/10/2011 và Lô Khiết A, sinh ngày 21/6/2013 cho chị Mai Thị Ái T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Mai Thị Ái T không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

Anh Lô Thanh H được quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Mai Thị Ái T và anh Lô Thanh H tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị Mai Thị Ái T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số 0003281 ngày 31 tháng 01 năm 2018.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Ea Kar;
- CCTHADS huyện Ea Kar;
- UBND xã C huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu: HS +VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Lê Đình Thanh

